TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 344/2025/DS-ST
Ngày: 25 – 9 – 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

2. Ông Trần Công Danh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1137/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2025/QĐXXST-DS ngày 12/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 763/2025/QĐST-DS ngày 04/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1); địa chỉ: B - B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N; chức vụ: Quyền Tổng giám đốc.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 01/10/2022: Ông Trần Hữu Đ, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, địa chỉ liên hệ: 228 đường 30 tháng 4, khu phố S, phường T, tỉnh Đồng Nai (theo giấy ủy quyền đề ngày 05/8/2025).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2000; cư trú: 63/5, khu phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

(Ông Đ, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hữu Đ trình bày:*

Ngày 20/3/2020, bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ1 (sau đây gọi tắt: Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 3214 (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và cam kết trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng và ngày chốt thông báo giao dịch vào ngày 05 hàng tháng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng (Loại thẻ Visa Classic số 472074- 1938) hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, lãi suất, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 22/3/2020 đến ngày 22/01/2023, bà Nguyễn Thị T đã thực hiện các giao dịch rút tiền, với tổng số tiền 21.429.976 đồng, quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 22/3/2020 đến ngày 22/02/2023, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 20.299.850 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại trang W), cụ thể như sau: Tính đến ngày 22/02/2023, bà T đã thanh toán là: Trả vốn: 10.547.817 đồng; Phí trễ hạn: 200.000 đồng; Lãi: 7.904.533 đồng; P vượt hạn mức: 900.000 đồng; Phí Thẻ: 747.500 đồng. Tổng cộng là 20.299.850 đồng (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng)

Kể từ ngày 23/02/2023 cho đến nay, bà T đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã sử dụng. Qua nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng bà T vẫn không thanh toán nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và cam kết khi phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, đến nay khoản nợ trên đã quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa Án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 25/9/2025 là: 28.075.859đ (hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc: 10.882.159 đồng, nợ lãi: 16.178.981 đồng, phí trễ quá hạn: 564.305 đồng, phí vượt hạn mức: 151.414 đồng, phí thẻ: 299.000đồng.

2. Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T:* Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T nhưng bà T vẫn không lên Tòa làm việc nên không có lời khai.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai:*

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 25/9/2025 là: 28.075.859đ (hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc: 10.882.159 đồng, nợ lãi: 16.178.981 đồng, phí trễ quá hạn: 564.305 đồng, phí vượt hạn mức: 151.414 đồng, phí thẻ: 299.000đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Hữu Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo văn bản xác minh ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai), bị đơn bà Nguyễn Thị T cư trú phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Ngân hàng TMCP S thương Tín là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T là bị đơn. Căn cứ Khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 20/3/2020, bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 3214. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng (Loại thẻ Visa Classic số 472074- 1938) hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, từ ngày 22/3/2020 đến ngày 22/01/2023 bà T đã thực hiện các giao dịch rút tiền, với tổng số tiền 21.429.976 đồng, quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 22/3/2020 đến ngày 22/02/2023 bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 20.299.850 đồng, cụ thể như sau: Tính đến ngày 22/02/2023, bà T đã thanh toán là: Trả vốn: 10.547.817 đồng; Phí trễ hạn: 200.000 đồng; Lãi: 7.904.533 đồng; P vượt hạn mức: 900.000 đồng; Phí Thẻ: 747.500 đồng. Tổng cộng là 20.299.850 đồng (Hai mươi triệu hai trăm chín mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng). Kể từ ngày 23/02/2023 cho đến nay, bà T không thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã sử dụng dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng trên, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã cam kết. Do đó, việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc, lãi, phí phạt như trên theo hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 3214 ngày 20/3/2020 là phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng tổng số tiền 28.075.859đ (hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc: 10.882.159 đồng, nợ lãi: 16.178.981 đồng, phí trễ quá hạn: 564.305 đồng, phí vượt hạn mức: 151.414 đồng, phí thẻ: 299.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt không lên Tòa để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện nên mặc nhiên được xem là bà T thừa nhận việc ký hợp đồng và quá trình vay, trả nợ như trên với Ngân hàng TMCP S.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Đối với đề nghị của đại diệnViện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu tại phiên tòa, xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị T về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 28.075.859đ (hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc: 10.882.159 đồng, nợ lãi: 16.178.981 đồng, phí trễ quá hạn: 564.305 đồng, phí vượt hạn mức: 151.414 đồng, phí thẻ: 299.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 26/9/2025) bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.403.793 đồng (Một triệu bốn trăm linh ba nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 498.315 đồng (bốn trăm chín mươi tám nghìn ba trăm mười lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0004793 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND Khu vực 1- Đồng Nai (02);
- THADS tỉnh Đồng Nai (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP(03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP . Biên Hòa (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP(03).

Lê Thị Nguyệt